

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2025

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Vân và bà Lê Thị Yên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đức Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đào Văn N, sinh ngày 21/7/1982; Căn cước công dân số 030082025714, ngày cấp 21/12/2021. (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn Cặp Nhất 3, xã Tiền Tiến, Thành phố Hải Dương nay là Phường Nam Đồng, Thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh ngày 04/12/1985; CCCD số 030185024160, ngày cấp 04/2/2022 (Có đơn đề nghị xử vắng mặt)

ĐKTT và cư trú tại: Thôn Kiên Nhuệ, xã Vĩnh Cường, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương nay là xã Hà Đông, Thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày: Anh và chị Trần Thị T trước khi kết hôn đều đã có vợ, có chồng nhưng đều đã ly hôn. Anh chị tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 11/01/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Tiền Tiến, thành phố Hải Dương nay là xã Nam Đồng, thành phố Hải Phòng. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống cùng bố mẹ chị T tại xã Vĩnh Cường nay là xã Hà Đông; anh chị làm nghề đánh bắt cá. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm và có mặc cảm ở rể nên anh N đã bảo chị T

thuê nhà ra ngoài sinh sống nhưng chị T không đồng ý. Anh chị đã ly thân từ tháng 4/2024 đến nay, anh N xác định không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung, Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh N tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/6/2025 bị đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh N quen biết thông qua người giới thiệu vì trước đó anh chị đều đã có vợ, có chồng nhưng đều đã ly hôn. Vì cùng hoàn cảnh anh chị đã tự nguyện kết hôn ngày 10/01/2023. Sau ngày cưới anh chị về chung sống cùng gia đình chị tại xã Vĩnh Cường, huyện Thanh Hà nay là xã Hà Đông, thành phố Hải Phòng. Vì tự ái cho rằng anh N ở rể nên anh N đã bắt chị thuê nhà ra ở riêng nhưng chị không đồng ý. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tháng 4/2024 anh N đã bỏ về nhà đẻ sinh sống tại xã Tiền Tiến, hai bên sống ly thân không còn quan tâm trách nhiệm với nhau. Anh N xin ly hôn, chị nhất trí nhưng với điều kiện anh N phải trả xong nợ chị Mai là em gái chị thì chị mới đồng ý ký đơn. Ngày 05/8/2025 chị T có văn bản trình bày nhất trí ly hôn, đối với khoản nợ vay chị Mai, chị đề nghị giải quyết bằng vụ án dân sự khác và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Về con chung, Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt do trước đó đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 51, 56, của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025); Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Đào Văn N ly hôn chị Trần Thị T. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không giải quyết. Về án phí: Anh Đào Văn N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị Trần Thị T đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại xã Hà Đông, thành phố Hải Phòng thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, đảm bảo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025) và Nghị quyết số 01/2025/NQ_HĐTP ngày 27/6/2025 Về việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Văn N, chị Trần Thị T tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn 11/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Tiến, thành phố Hải Dương nay là Phường Nam Đồng, Thành Phố Hải Phòng đảm bảo đúng quy định là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên không quan tâm và tôn trọng nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 4/2024 đến nay. Anh N xin ly hôn, T đồng ý, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N. Xử cho anh N được ly hôn chị T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh chị đều trình bày có vay nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã gửi Thông báo số 115 ngày 26/6/2025 hướng dẫn và giải thích cho các đương sự được quyền yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung và phải thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí và các chi phí tố tụng theo quy định. Các đương sự đều xác nhận đã nhận được thông báo nhưng không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung trong vụ án. Căn cứ phạm vi yêu cầu khởi kiện, HĐXX không giải quyết. Nếu sau này đương sự có tranh chấp mà có đơn khởi kiện. Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[2.4] Về án phí: Anh Đào Văn N xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại điểm a mục 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025); Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2025/NQ_HĐTP ngày 27/6/2025 Về việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

2. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Văn N

3. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đào Văn N ly hôn chị Trần Thị T.

5. Về án phí: Buộc anh Đào Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0002029 ngày 21/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Hải Phòng. Anh N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Đào Văn N và chị Trần Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - HP;
- Phòng THADS khu vực 8 - HP;
- Các đương sự;
- UBND Phường Nam Đồng - TP Hải Phòng
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ THU HOÀI